

DANH SÁCH

Sinh viên được miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2019 - 2020

I. MIỄN HỌC PHÍ

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
1	16A5021009	Trần Thị Vân Anh	05/11/1998	LKT K40	Con BB-08
2	16A5021032	Hồ Thị Dịp	04/10/1996	LKT K40	Con BB-08
3	16A5021065	Nông Thị Thu Hà	01/11/1998	LKT K40	DT - Hộ nghèo
4	16A5021072	Hoàng Thị Thúy Hằng	16/10/1998	LKT K40	Con TB-08
5	16A5021078	Hà Thị Hiền	10/11/1998	LKT K40	Con TB-08
6	16A5021122	Phan Xuân Kháng	21/07/1998	LKT K40	Con TB-08
7	16A5021160	Trần Công Lý	30/10/1998	LKT K40	Con TB-08
8	16A5021229	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	02/03/1998	LKT K40	Con TB-08
9	16A5021263	Phạm Thị Thanh Thanh	20/11/1996	LKT K40	Con CBHĐKC
10	16A5021284	Nguyễn Thị Thắm	24/01/1998	LKT K40	Con mồ côi
11	16A5021348	Nguyễn Thị Ái Vân	25/10/1997	LKT K40	Con TB-08
12	16A5021352	Phan Thị Ánh Vy	07/04/1997	LKT K40	Con TB-08
13	17A5021452	Ksor Bé Vi	02/12/1998	LKT K41	Con BB-08
14	17A5021383	Đặng Thị Minh Thư	14/06/1998	LKT K41	Con TB-08
15	17A5021370	Bùi Văn Thuần	25/08/1999	LKT K41	DT - Hộ cận nghèo
16	17A5021339	Noale Anh Tân	23/01/1999	LKT K41	Con mồ côi
17	17A5021318	Dương Nữ ý Quyên	03/05/1999	LKT K41	HK Ninh Thuận
18	17A5021225	Phan Thị Minh	20/09/1999	LKT K41	Con TB-08
19	17A5021209	Phan Vĩnh Long	22/12/1998	LKT K41	DT - Hộ nghèo
20	17A5021158	Nguyễn Thị Hương	12/04/1999	LKT K41	Con TB-08
21	17A5021144	Kpã Huyền	30/04/1999	LKT K41	DT - Hộ cận nghèo
22	17A5021100	Trần Thị Bích Hạnh	31/03/1999	LKT K41	Con TB-08
23	17A5021011	Phan Tuấn Anh	26/06/1997	LKT K41	Con TB-08
24	17A5021019	Hồ Thị Bay	11/09/1996	LKT K42	Con BB-08
25	18A5021037	H - Nhiên Byă	01/06/1999	LKT K42	DT - Hộ nghèo
26	18A5021113	Hồ Văn Hang	18/01/1999	LKT K42	DT - Hộ nghèo
27	18A5021143	Trần Thị Diệu Hằng	12/01/2000	LKT K42	Con TB-08
28	18A5021403	Trương Hồng Phúc	02/09/1997	LKT K42	HK Ninh Thuận
29	18A5021493	Hồ Thị Thoại	04/06/2000	LKT K42	Con TB-08
30	18A5021455	Brao Thị Thành	13/02/2000	LKT K42	DT - Hộ nghèo
31	18A5021523	Ksor Thương	06/08/1999	LKT K42	DT - Hộ cận nghèo
32	18A5021586	Trần Lê Thanh Tùng	03/07/2000	LKT K42	Con TB-08
33	18A5021623	H' Na Buôn Yă	27/03/2000	Luật KT K43	DT - Hộ nghèo

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
34	19A5021001	Huỳnh Ngọc	An	26/06/2001	LKT K43	Con BB-08
35	19A5021198	Nguyễn Thị Mỹ	Cường	26/01/2001	LKT K43	Con TB-08
36	19A5021326	Lê Thị Thu	Hoài	08/01/2001	LKT K43	DT - Hộ cận nghèo
37	19A5021327	Trương Thị	Hoài	08/02/2001	LKT K43	DT- Hộ nghèo
38	19A5021352	Lê Văn	Hùng	22/09/1999	LKT K43	Con BB-08
39	19A5021441	Nguyễn	Kính	06/06/2001	Luật KT43	Khuyết tật, Hộ cận nghèo
40	19A5021446	Lê Ngọc Mai	Linh	25/04/2001	LKT K43	HK Ninh Thuận
41	19A5021533	Tổng Thị Hiếu	Ngân	19/03/2001	LKT K43	Con TB-08
42	19A5021918	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	11/02/2001	LKT K43	HK Ninh Thuận
43	15A5011390	Phan Huy	Tài	03/03/1997	Luật K40	Con TB-08
44	16A5011014	Phạm Thị Hồng	Ánh	24/10/1998	Luật K40	Con BB-08
45	16A5011026	Hồ Văn	Cháu	26/03/1998	Luật K40	DT - Hộ nghèo
46	16A5011037	Lê Duy	Cường	01/02/1996	Luật K40	Con BB-08
47	16A5011041	Trần Thị Thùy	Dân	02/02/1998	Luật K40	Con TB-08
48	16A5011087	Trương Thị	Hậu	19/05/1998	Luật K40	Khuyết tật, Hộ cận nghèo
49	16A5011126	Võ Thị Thúy	Hòa	22/03/1998	Luật K40	Con CBHĐKC
50	16A5011130	Phùng Hoa Kim	Huệ	21/04/1997	Luật K40	DT - Hộ nghèo
51	16A5011138	Hoàng Thị	Huyền	28/09/1997	Luật K40	DT - Hộ nghèo
52	16A5011162	Kpuih H'	Khlok	11/10/1997	Luật K40	DT - Hộ cận nghèo
53	16A5011170	Hồ Văn	Kiểm	15/03/1991	Luật K40	DT - Hộ cận nghèo
54	16A5011175	Cầm Thị	Lan	05/12/1998	Luật K40	DT - Hộ nghèo
55	16A5011176	Lê Thị Hương	Lan	13/04/1998	Luật K40	Con BB-08
56	16A5011190	Sử Thị Hồng	Liều	29/05/1997	Luật K40	HK Ninh Thuận
57	16A5011213	Lê Thị	Ly	17/09/1998	Luật K40	Con BB-08
58	16A5011235	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	25/02/1998	Luật K40	Con TB-08
59	16A5011239	Hồ Thị	Nghê	12/10/1996	Luật K40	DT - Hộ nghèo
60	16A5011270	Alăng	Nóc	10/03/1997	Luật K40	Con BB-08
61	16A5011278	Trần Văn	Pho	15/06/1991	Luật K40	Con TB-08
62	16A5011302	Trương Văn	Quốc	05/10/1996	Luật K40	Con TB-08
63	16A5011319	Trần Văn	Sinh	23/12/1994	Luật K40	DT - Hộ cận nghèo
64	16A5011325	Lê Thị	Sự	25/05/1996	Luật K40	DT - Hộ nghèo
65	16A5011349	Phạm Văn	Thâm	28/02/1993	Luật K40	DT - Hộ cận nghèo
66	16A5011382	Bế Thị Thủy	Tiên	01/01/1998	Luật K40	DT - Hộ nghèo
67	16A5011419	Hoàng Anh	Tuấn	01/10/1994	Luật K40	Con TB-08
68	16A5011445	Hồ Thị	Xót	04/03/1994	Luật K40	Con TB-08
69	16A5011483	Phạm Thị	Hường	04/06/1998	Luật K40	Con TB-08
70	16A5011524	Nguyễn Trung	Tín	28/02/1995	Luật K40	Con TB-08
71	16A5011551	Đạo Chế Quốc	Khánh	15/07/1998	Luật K40	HK Ninh Thuận
72	16A5011570	AVô	ABôm	01/01/1995	Luật K40	DT - Hộ nghèo
73	17A5011054	Hồ Thị Thanh	Chi	08/08/1998	Luật K41	Con TB-08

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
74	17A5011058	Nguyễn Thị	Chiêu	10/10/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
75	17A5011076	Hồ Văn	Đào	07/07/1997	Luật K41	Con TB-08
76	17A5011080	Hồ Thị Xuân	Diệu	21/03/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
77	17A5011097	Ksor	H' Duyên	25/12/1999	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
78	17A5011114	Phạm Đình	Dương	22/10/1999	Luật K41	Con TB-08
79	17A5011154	Ksor	H'phước	20/12/1999	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
80	17A5011189	Hồ Thị Thu	Hằng	19/07/1999	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
81	17A5011202	Võ Thanh	Hiền	03/10/1999	Luật K41	Con TB-08
82	17A5011209	Ka	Hiệu	01/03/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
83	17A5011222	Trương Huy	Hoàn	30/08/1995	Luật K41	Con TB-08
84	17A5011229	Ksor H'	Hoem	10/06/1999	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
85	17A5011233	Hồ Thị	Học	26/01/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
86	17A5011239	Nguyễn Trọng	Huấn	30/07/1999	Luật K41	Con TB-08
87	17A5011245	Brôl	Hum	15/05/1997	Luật K41	DT - Hộ nghèo
88	17A5011269	Rcom Y Phi	Hùng	05/03/1999	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
89	17A5011276	Dương Thị	Hương	14/05/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
90	17A5011371	Lê Văn	Lôi	05/04/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
91	17A5011409	Phạm Thị	Mận	14/12/1999	Luật K41	Con BB-08
92	17A5011436	Ksor H'	Nga	19/11/1998	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
93	17A5011443	Hồ Thị	Ngã	03/04/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
94	17A5011546	Nguyễn Cao	Quyết	28/12/1996	Luật K41	Con TB-08
95	17A5011552	La O Thị	Quý	12/07/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
96	17A5011556	Hồ Thị	Quýt	18/08/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
97	17A5011580	Đỗ Như	Tâm	20/10/1998	Luật K41	Con TB-08
98	17A5011615	Nguyễn Tất Hoàng	Thạch	18/09/1997	Luật K41	Con TB-08
99	17A5011616	Kpá Hờ	Thắm	27/06/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
100	17A5011617	Phạm Thị	Thập	14/12/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
101	17A5011631	Hồ Thị	Thiết	19/09/1998	Luật K41	Con BB-08
102	17A5011637	La O	Thoan	14/09/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
103	17A5011641	Viên Thị	Thóp	26/03/1998	Luật K41	Con TB-08
104	17A5011642	Nguyễn Văn	Thợ	30/04/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
105	17A5011643	Đinh Thị	Thu	10/12/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
106	17A5011645	Lê Thị	Thu	10/03/1999	Luật K41	Con BB-08
107	17A5011649	Phạm Thị	Thuận	01/06/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
108	17A5011678	Hồ Thị	Tiên	07/05/1998	Luật K41	DT - Hộ cận nghèo
109	17A5011700	Hồ Thị	Trang	19/11/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo
110	17A5011755	Lê Sơn	Tùng	23/09/1998	Luật K41	Con BB-08
111	17A5011756	Lê Thanh	Tùng	01/04/1999	Luật K41	Con BB-08
112	17A5011763	Vũ Tiến	Tư	20/12/1997	Luật K41	Con BB-08
113	17A5011778	Alung	Úc	28/03/1999	Luật K41	DT - Hộ nghèo

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
114	17A5011796	Kpă Y	Vu	29/10/1998	Luật K41	DT - Hộ nghèo
115	17A5011812	Phú Bình	Yên	05/01/1999	Luật K41	HK Ninh Thuận
116	17A5012002	La Lan Thị	Thúy	07/08/1995	Luật K41	Cử tuyển
117	17A5012003	La Thanh	Ty	09/09/1997	Luật K41	Cử tuyển
118	18A5011079	Hồ Thị	Dặn	14/07/1999	Luật K42	Con TB-08
119	18A5011131	Hồ Văn	Đẹp	15/05/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
120	18A5011152	A Lăng Thị	Gái	20/05/2000	Luật K42	Con TB-08
121	18A5011166	Đinh Ngọc	Hà	26/09/1999	Luật K42	DT - Hộ cận nghèo
122	18A5011206	H'	Hiền	05/11/2000	Luật K42	DT - Hộ cận nghèo
123	18A5011216	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	22/03/2000	Luật K42	Con mồ côi
124	18A5011291	Võ Văn	Hùng	01/07/2000	Luật K42	Con TB-08
125	18A5011294	Trần Quang	Hưng	06/05/1999	Luật K42	HK Ninh Thuận
126	18A5011315	Nguyễn Văn	Khánh	12/01/2000	Luật K42	Con TB-08
127	18A5011350	Hồ Thị Xa	Li	16/04/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
128	18A5011437	Hồ Thị	Máy	08/03/2000	Luật K42	DT - Hộ cận nghèo
129	18A5011456	Bùi Thị Nhu	Mì	04/07/2000	Luật K42	HK Ninh Thuận
130	18A5011469	Hồ Văn	Nam	15/06/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
131	18A5011495	Hồ Thị	Ngoi	24/01/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
132	18A5011497	Đoàn Ngọc Thảo	Nguyên	29/05/2000	Luật K42	Con TB-08
133	18A5011514	Lê Thị Bình	Nhê	23/03/1998	Luật K42	DT - Hộ nghèo
134	18A5011532	Zơ Rum Thị	Nhị	08/12/2000	Luật K42	Con BB-08
135	18A5011580	Trần Văn	Phú	23/02/2000	Luật K42	Con TB-08
136	18A5011603	Trương Thị Như	Phương	14/11/2000	Luật K42	Con TB-08
137	18A5011612	Hồ Ra	Pít	20/12/1999	Luật K42	DT - Hộ cận nghèo
138	18A5011756	Lê Thị Thanh	Thủy	04/10/1999	Luật K42	DT - Hộ nghèo
139	18A5011788	Nguyễn Thanh	Tôn	05/10/1999	Luật K42	DT - Hộ nghèo
140	18A5011794	Lộc Thị	Trang	10/03/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
141	18A5011825	Phan Thị Kiều	Trình	30/06/2000	Luật K42	Con TB-08
142	18A5011851	Tô Thị Kim	Tuyển	27/07/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
143	18A5011860	Dương Thị	Tú	18/06/2000	Luật K42	Con mồ côi
144	18A5011884	Phạm Thị	Viên	03/09/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
145	18A5011890	Hồ Thị	Vông	10/10/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
146	18A5011919	Lê Văn	Hùng	22/09/1999	Luật K42	Con TB-08
147	19A5011008	Hồ Thị Minh	Cầm	09/11/2001	Luật K43	Con TB-08
148	19A5011372	Sộng A	Hạ	01/01/1999	Luật K43	DT - Hộ nghèo
149	19A5011464	Y' Diên	Hwing	12/02/2001	Luật K43	DT - Hộ cận nghèo
150	19A5011476	Đặng Minh	Khuê	06/09/2001	Luật K43	Con TB-08
151	19A5011693	Phạm Thị Hồng	Nhung	20/10/2000	Luật K43	Con TB-08
152	19A5011794	Hồ Thị	Sáu	10/08/2000	Luật K43	Con BB-08
153	19A5011840	Hồ Thị	Thanh	09/05/2001	Luật K43	DT - Hộ nghèo

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
154	19A5011934	Đình Ta	Tiêu	02/07/2000	Luật K43	DT - Hộ nghèo
155	18A5011053	Zorâm	Chên	12/01/2000	Luật K42	DT - Hộ nghèo
156	19A5011494	R' Ô H'	Lang	20/09/2001	Luật K43	DT - Hộ nghèo
157	19A5011795	Rơ Lan	Sích	20/10/2000	Luật K43	DT - Hộ nghèo
<i>(Có 157 sinh viên được miễn học phí)</i>						
II. GIẢM 70% HỌC PHÍ						
1	16A5021011	Nghiêm Ngọc	Ánh	01/05/1998	LKT K40	DT- 135
2	16A5021066	Nông Thu	Hà	18/03/1997	LKT K40	DT- 135
3	16A5021166	Hồ Văn	Mẫn	16/06/1995	LKT K40	DT- 135
4	16A5021040	Nguyễn Khánh	Duy	24/03/1998	LKT K40	DT- 135
5	16A5021048	Trần Văn	Đền	14/03/1996	LKT K40	DT- 135
6	16A5021085	Trịnh Văn	Hiệp	22/02/1998	LKT K40	DT- 135
7	16A5021135	Vi Ngọc	Lâm	18/12/1997	LKT K40	DT- 135
8	16A5021147	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/1998	LKT K40	DT- 135
9	16A5021343	Lương Thị Tổ	Uyên	06/03/1997	LKT K40	DT- 135
10	17A5021031	Hồ Thị	Cua	15/07/1999	LKT K41	DT- 135
11	17A5021055	Lô Văn	Dũng	05/06/1998	LKT K41	DT- 135
12	17A5021076	Hồ Phạm Thành	Đức	01/07/1999	LKT K41	DT- 135
13	17A5021111	Vũ Thị Thanh	Hằng	15/06/1999	LKT K41	DT- 135
14	17A5021118	Lê Mạnh	Hiếu	02/09/1998	LKT K41	DT- 135
15	17A5021174	Trương Thị Y	Lan	06/08/1999	LKT K41	DT- 135
16	17A5021175	Y	Lan	19/09/1999	LKT K41	DT- 135
17	17A5021215	Nguyễn Văn	Lũng	03/06/1999	LKT K41	DT- 135
18	17A5021216	Lê Thị	Lương	19/08/1998	LKT K41	DT- 135
19	17A5021286	Ksor H'	Nhuong	12/03/1999	LKT K41	DT- 135
20	17A5021294	Hoàng Tiến	Phúc	14/05/1999	LKT K41	DT- 135
21	17A5021297	Lý Thị	Phương	02/08/1998	LKT K41	DT- 135
22	17A5021313	Lương Hồng	Quân	06/11/1999	LKT K41	DT- 135
23	17A5021385	Long Thị Minh	Thư	14/02/1998	LKT K41	DT- 135
24	17A5021398	Hồ Thanh	Tiến	29/04/1998	LKT K41	DT- 135
25	17A5021403	Đình Thị Hồng	Trang	21/05/1998	LKT K41	DT- 135
26	17A5021434	Niê Y	Trường	11/04/1999	LKT K41	DT- 135
27	17A5021437	Nguyễn Văn	Tuấn	03/02/1998	LKT K41	DT- 135
28	17A5021479	Phạm Minh	Chiến	16/01/1999	LKT K41	DT- 135
29	17A5021484	Kpă	Glăch	23/03/1999	LKT K41	DT- 135
30	18A5021163	K'	Hiếu	24/08/2000	LKT K42	DT- 135
31	18A5021001	Ksor Siu	Alin	04/03/2000	LKT K42	DT- 135
32	18A5021144	Lê Đình	Hdung	25/12/2000	LKT K42	DT- 135
33	18A5021194	Đàm Thị Thu	Hồng	13/05/2000	LKT K42	DT- 135
34	18A5021215	Lê Mạnh	Hùng	26/12/2000	LKT K42	DT- 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
35	18A5021230	Lê Thị Uyên	Kha	03/06/2000	LKT K42	DT- 135
36	18A5021259	Chu Thị Hoài	Linh	19/04/2000	LKT K42	DT- 135
37	18A5021293	Lý Thị	Luyến	10/10/2000	LKT K42	DT- 135
38	18A5021305	Hồ Thị Tuyết	Mai	18/09/2000	LKT K42	DT- 135
39	18A5021341	Phạm Thanh	Ngân	20/03/2000	LKT K42	DT- 135
40	18A5021352	Trần Thị Minh	Nguyệt	28/05/2000	LKT K42	DT- 135
41	18A5021410	Siu	Phương	16/10/1999	LKT K42	DT- 135
42	18A5021467	Lô Thị Thu	Thảo	19/10/2000	LKT K42	DT- 135
43	18A5021546	Trần Anh	Trào	11/03/2000	LKT K42	DT- 135
44	18A5021587	Siu	H Tươi	03/01/2000	LKT K42	DT- 135
45	19A5021046	Đinh Thị Phương	Linh	16/04/2001	LKT K43	DT- 135
46	19A5021287	Hồ Thị Hồng	Hạnh	02/07/2000	LKT K43	DT- 135
47	19A5021833	A Tuấn	Tú	24/08/2001	LKT K43	DT- 135
48	19A5021294	Đinh Thị Hồng	Hào	01/06/2001	LKT K43	DT- 135
49	19A5021043	Xăm Ly	Ka	04/01/2001	LKT K43	DT- 135
50	19A5021071	Trương Thị Ngọc	Nhạn	25/05/2001	LKT K43	DT- 135
51	19A5021435	Nay H'	Lên	13/11/2001	LKT K43	DT- 135
52	19A5021576	Trần Thị Ý	Nhi	13/02/2001	LKT K43	DT- 135
53	19A5021578	Đinh Thị	Nhỏ	10/04/2001	LKT K43	DT- 135
54	19A5021919	Nguyễn Thị Hạ	Liên	22/07/2001	LKT K43	DT- 135
55	16A5011023	Trần Thị	Cam	28/08/1996	Luật K40	DT- 135
56	16A5011109	Rơ Mah H'	Hoà	01/01/1997	Luật K40	DT- 135
57	16A5011152	Kring	Hươn	01/04/1994	Luật K40	DT- 135
58	16A5011321	Hoàng Thị	Sun	26/10/1996	Luật K40	DT- 135
59	16A5011002	Hồ Văn	An	03/08/1995	Luật K40	DT- 135
60	16A5011034	Phạm Tấn	Công	21/03/1998	Luật K40	DT- 135
61	16A5011036	Rmah H'	Cúc	08/12/1998	Luật K40	DT- 135
62	16A5011073	Rcom	H'gưn	23/04/1997	Luật K40	DT- 135
63	16A5011108	Nguyễn Đắc	Hình	07/06/1996	Luật K40	DT- 135
64	16A5011111	Nay Hờ	Hoài	10/10/1998	Luật K40	DT- 135
65	16A5011115	Ploong Thị	Hoài	18/12/1997	Luật K40	DT- 135
66	16A5011129	Hoàng Thị	Huế	18/11/1998	Luật K40	DT- 135
67	16A5011131	Đoàn Ngọc	Huy	31/12/1997	Luật K40	DT- 135
68	16A5011135	Phạm Quốc	Huy	15/09/1997	Luật K40	DT- 135
69	16A5011166	Hồ Thị	Kiều	27/12/1997	Luật K40	DT- 135
70	16A5011196	Kpuih H'	Linh	20/08/1998	Luật K40	DT- 135
71	16A5011198	Ngô Thùy	Linh	18/07/1998	Luật K40	DT- 135
72	16A5011210	ALăng	Lợi	06/02/1996	Luật K40	DT- 135
73	16A5011228	Alê Ri	Na	26/12/1998	Luật K40	DT- 135
74	16A5011240	Nguyễn Thị Thanh	Nghĩ	06/12/1998	Luật K40	DT- 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
75	16A5011244	Hồ Thị Thảo	Nguyên	21/05/1998	Luật K40	DT- 135
76	16A5011250	Rmah H'	Nhang	05/03/1998	Luật K40	DT- 135
77	16A5011264	Y	Nhung	03/05/1998	Luật K40	DT- 135
78	16A5011277	Kpă H'	Pa	02/06/1997	Luật K40	DT- 135
79	16A5011296	R' Ô H'	Puin	13/10/1998	Luật K40	DT- 135
80	16A5011306	Triệu Thị Lệ	Quyên	22/01/1998	Luật K40	DT- 135
81	16A5011323	Y	Sửu	19/05/1997	Luật K40	DT- 135
82	16A5011348	Y	Thảo	12/06/1998	Luật K40	DT- 135
83	16A5011350	Lương Thị	Thắm	02/10/1998	Luật K40	DT- 135
84	16A5011357	Lê Mo Thị	Thoa	10/05/1998	Luật K40	DT- 135
85	16A5011371	Bhát Thị Hoài	Thương	20/09/1997	Luật K40	DT- 135
86	16A5011397	Lý Hà	Trang	30/05/1998	Luật K40	DT- 135
87	16A5011494	Đinh Văn	Nam	14/02/1998	Luật K40	DT- 135
88	16A5011532	Nông Phúc	Hiền	24/01/196	Luật K40	DT- 135
89	16A5011537	Triệu Thị Thanh	Thảo	23/08/1998	Luật K40	DT- 135
90	17A5011069	Thanh Viết	Cương	03/06/1998	Luật K41	DT- 135
91	17A5011297	Ksor H'	Khó	26/06/1998	Luật K41	DT- 135
92	17A5011332	Rah Lan H'	Lìn	20/10/1998	Luật K41	DT- 135
93	17A5011498	Coor	Nhung	06/06/1999	Luật K41	DT- 135
94	17A5011538	Blúp	Quân	15/02/1999	Luật K41	DT- 135
95	17A5011574	Nguyễn Văn	Sỹ	14/05/1999	Luật K41	DT- 135
96	17A5011586	Siu	Te	11/10/1999	Luật K41	DT- 135
97	17A5011633	Hồ Thị	Thiu	05/10/1998	Luật K41	DT- 135
98	17A5011726	Nguyễn Thị Phương	Trinh	14/10/1999	Luật K41	DT- 135
99	17A5011729	Rơ Châm	Trinh	05/08/1997	Luật K41	DT- 135
100	17A5011820	Đặng Minh	An	20/06/1999	Luật K41	DT- 135
101	17A5011049	H Mai	Byă	03/06/1999	Luật K41	DT- 135
102	17A5011078	Phạm Văn	Diên	21/05/1999	Luật K41	DT- 135
103	17A5011088	Rơ Lan	Dung	10/10/1998	Luật K41	DT- 135
104	17A5011116	Hồ Thị	Dừa	30/04/1999	Luật K41	DT- 135
105	17A5011117	Ksor	H' Dao	15/05/1999	Luật K41	DT- 135
106	17A5011151	Nguyễn Bé	Giáp	05/09/1998	Luật K41	DT- 135
107	17A5011152	Ksor H'	Greo	13/04/1997	Luật K41	DT- 135
108	17A5011156	Đinh Thị	Hà	05/10/1998	Luật K41	DT- 135
109	17A5011171	Hồ Thanh	Hải	11/12/1999	Luật K41	DT- 135
110	17A5011181	Hồ Thị ái	Hậu	15/11/1999	Luật K41	DT- 135
111	17A5011196	Y Lệ	Hiêng	10/03/1999	Luật K41	DT- 135
112	17A5011211	Đinh Thị	Hoa	04/04/1999	Luật K41	DT- 135
113	17A5011221	Phạm Thị	Hoài	12/02/1998	Luật K41	DT- 135
114	17A5011224	Nguyễn Khánh	Hoàng	22/10/1999	Luật K41	DT- 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
115	17A5011240	Nguyễn Trọng	Huấn	26/09/1998	Luật K41	DT- 135
116	17A5011244	Triệu Thị	Huệ	03/11/1998	Luật K41	DT- 135
117	17A5011267	Siu H'	Huynh	12/05/1998	Luật K41	DT- 135
118	17A5011274	Phan Thành	Hung	08/03/1998	Luật K41	DT- 135
119	17A5011284	H' Rum Ba Niê	Kdăm	01/06/1999	Luật K41	DT- 135
120	17A5011285	Đinh Thị	Kem	06/03/1999	Luật K41	DT- 135
121	17A5011303	Siu	Kiên	30/04/1999	Luật K41	DT- 135
122	17A5011325	Lê Thị	Lệ	01/01/1997	Luật K41	DT- 135
123	17A5011342	Hồ Thị Mai	Linh	21/10/1999	Luật K41	DT- 135
124	17A5011362	Hồ Văn	Liu	21/07/1999	Luật K41	DT- 135
125	17A5011387	Nguyễn Văn	Lương	01/10/1999	Luật K41	DT- 135
126	17A5011401	Đinh Thị Hương	Lý	02/04/1999	Luật K41	DT- 135
127	17A5011417	Y	Minh	06/10/1999	Luật K41	DT- 135
128	17A5011418	H' Dinh	Mlô	21/08/1999	Luật K41	DT- 135
129	17A5011435	Hồ Thị	Nga	30/11/1999	Luật K41	DT- 135
130	17A5011450	Nguyễn Công	Nghị	17/10/1999	Luật K41	DT- 135
131	17A5011474	Đinh Văn	Nhân	29/05/1998	Luật K41	DT- 135
132	17A5011517	Kpă	Phát	21/09/1998	Luật K41	DT- 135
133	17A5011524	Y	Phụng	09/07/1999	Luật K41	DT- 135
134	17A5011564	Niê Y	Sắp	05/07/1998	Luật K41	DT- 135
135	17A5011566	Phạm Văn	Sênh	13/10/1999	Luật K41	DT- 135
136	17A5011567	Đinh Văn	Son	11/04/1998	Luật K41	DT- 135
137	17A5011571	Hồ Thị	Sươn	15/06/1998	Luật K41	DT- 135
138	17A5011594	Bạch Xuân	Thao	19/11/1999	Luật K41	DT- 135
139	17A5011716	Đinh Thị	Trâm	29/10/1998	Luật K41	DT- 135
140	17A5011722	Đinh Thị	Trinh	11/03/1998	Luật K41	DT- 135
141	17A5011743	Đoàn Văn	Tuấn	01/11/1997	Luật K41	DT- 135
142	17A5011753	Siu H'	Tuyết	15/03/1998	Luật K41	DT- 135
143	17A5011762	Nguyễn Hoài	Tư	02/12/1999	Luật K41	DT- 135
144	17A5011770	Luân Thị	Uyên	22/02/1999	Luật K41	DT- 135
145	17A5011826	Bùi Nguyễn	Hoàng	18/05/1999	Luật K41	DT- 135
146	17A5011835	Tô Thị Minh	Ngọc	26/09/1999	Luật K41	DT- 135
147	17A5011845	Hồ Thị	Trang	18/10/1999	Luật K41	DT- 135
148	17A5021327	Nguyễn Y	Sam	21/07/1999	Luật K41	DT- 135
149	17A5021473	Đinh Thị	Yên	16/08/1998	Luật K41	DT- 135
150	18A5011319	Hồ Thị	Khâu	19/10/2000	Luật K42	DT- 135
151	18A5011355	H- Giao	Liêng	01/11/2000	Luật K42	DT- 135
152	18A5011443	Hiên	Mến	16/04/2000	Luật K42	DT- 135
153	18A5011538	Hồ Thị	Nhung	26/02/2000	Luật K42	DT- 135
154	18A5011554	H- Nhi	Niê	16/06/2000	Luật K42	DT- 135

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
155	18A5011681	Siu Thanh	29/06/2000	Luật K42	DT- 135
156	18A5011029	Nay H' Âm	18/10/2000	Luật K42	DT- 135
157	18A5011082	La Thị Kiều Diễm	02/02/2000	Luật K42	DT- 135
158	18A5011090	Bùi Thị Dung	24/06/2000	Luật K42	DT- 135
159	18A5011093	Nguyễn Thị Dung	13/02/2000	Luật K42	DT- 135
160	18A5011125	Hồ Tiên Đạt	13/10/2000	Luật K42	DT- 135
161	18A5011134	Lê Khắc Định	22/07/1998	Luật K42	DT- 135
162	18A5011141	Trần Hữu Đồng	20/04/2000	Luật K42	DT- 135
163	18A5011190	Phạm Thị Hằng	21/02/2000	Luật K42	DT- 135
164	18A5011214	Nguyễn Thị Hiền	27/08/2000	Luật K42	DT- 135
165	18A5011244	Đinh Huy Hoàng	29/05/2000	Luật K42	DT- 135
166	18A5011258	Đinh Thị Hồng	26/03/1999	Luật K42	DT- 135
167	18A5011260	Huỳnh Thị Hồng	11/04/1997	Luật K42	DT- 135
168	18A5011261	Ksor Hồng	08/09/2000	Luật K42	DT- 135
169	18A5011288	Ksor Huynh	14/02/2000	Luật K42	DT- 135
170	18A5011292	Bùi Ngọc Hưng	03/12/2000	Luật K42	DT- 135
171	18A5011306	Nay - H'ien	17/11/2000	Luật K42	DT- 135
172	18A5011307	Ksor H' Juh	26/12/2000	Luật K42	DT- 135
173	18A5011309	Y Rêmi Niê Kdăm	12/11/2000	Luật K42	DT- 135
174	18A5011311	Alăng Kha	28/04/2000	Luật K42	DT- 135
175	18A5011320	Đinh Văn Khiêm	27/04/1999	Luật K42	DT- 135
176	18A5011323	Arát Khôi	19/03/2000	Luật K42	DT- 135
177	18A5011345	Đinh Thị Mỹ Lệ	06/07/2000	Luật K42	DT- 135
178	18A5011419	Hồ Thị Hoàng Luyện	12/09/1999	Luật K42	DT- 135
179	18A5011420	Kpă H' Lúy	19/08/2000	Luật K42	DT- 135
180	18A5011424	Đinh Y Hương Ly	16/10/2000	Luật K42	DT- 135
181	18A5011478	Ksor H' Năng	01/01/2000	Luật K42	DT- 135
182	18A5011530	Ka Nhị	04/07/2000	Luật K42	DT- 135
183	18A5011531	Phạm Văn Nhị	23/03/2000	Luật K42	DT- 135
184	18A5011535	A Viết Thị Phương Nhung	17/03/2000	Luật K42	DT- 135
185	18A5011555	Y- Lizen Niê	16/11/2000	Luật K42	DT- 135
186	18A5011557	Đinh Thị Nuôi	04/03/2000	Luật K42	DT- 135
187	18A5011565	Nguyễn Thị Hồng Oanh	19/08/1999	Luật K42	DT- 135
188	18A5011572	Nay H' Phương	15/06/1999	Luật K42	DT- 135
189	18A5011575	Lương Quốc Phong	08/04/2000	Luật K42	DT- 135
190	18A5011584	Hồ Công Phúc	05/04/2000	Luật K42	DT- 135
191	18A5011590	Phan Trọng Phúc	15/12/1999	Luật K42	DT- 135
192	18A5011605	Hoàng Thị Phụng	06/09/2000	Luật K42	DT- 135
193	18A5011613	Alăng Quang	05/09/2000	Luật K42	DT- 135
194	18A5011653	Hồ Xuân Y Sơn	04/06/2000	Luật K42	DT- 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
195	18A5011654	Phạm Văn	Sô	21/08/1996	Luật K42	DT- 135
196	18A5011661	Ksor Hồ	Sun	11/04/2000	Luật K42	DT- 135
197	18A5011729	Hồ Thị	Thị	28/02/2000	Luật K42	DT- 135
198	18A5011738	Rơ Châm H'	Thơ	10/10/1999	Luật K42	DT- 135
199	18A5011761	Tơ Ngôi	Thủy	02/09/2000	Luật K42	DT- 135
200	18A5011766	Đinh Thị	Thương	10/07/2000	Luật K42	DT- 135
201	18A5011774	Dương Minh	Thưởng	04/12/2000	Luật K42	DT- 135
202	18A5011775	H vịnh Hờ	Tiên	17/12/1999	Luật K42	DT- 135
203	18A5011800	Nông Thị Thu	Trang	26/07/2000	Luật K42	DT- 135
204	18A5011808	Phạm Thị Thu	Trải	20/06/2000	Luật K42	DT- 135
205	18A5011809	Bùi Đình Quỳnh	Trâm	01/11/2000	Luật K42	DT- 135
206	18A5011813	Phạm Thị	Triêm	14/10/2000	Luật K42	DT- 135
207	18A5011826	Puih	Trình	24/12/2000	Luật K42	DT- 135
208	18A5011859	Phạm Văn	Tùng	12/11/1999	Luật K42	DT- 135
209	18A5011866	Nguyễn Ngọc	Tường	05/10/1999	Luật K42	DT- 135
210	18A5011885	Hồ Thị	Viết	18/07/1999	Luật K42	DT- 135
211	18A5011898	Alăng	Xuân	10/09/2000	Luật K42	DT- 135
212	18A5011924	Y	Lim	20/03/2000	Luật K42	DT- 135
213	19A5011648	Lê Thị	Nguyệt	05/10/2001	Luật K43	DT- 135
214	19A5011229	Đinh Văn Kni	Chai	19/05/2000	Luật K43	DT- 135
215	19A5011252	Đinh Mạnh	Cường	02/01/2001	Luật K43	DT- 135
216	19A5011317	Phạm Văn	Duy	01/10/2000	Luật K43	DT- 135
217	19A5011432	Rơ Châm	Huết	23/12/1999	Luật K43	DT- 135
218	19A5011505	Đinh Thị Kim	Liên	04/06/2001	Luật K43	DT- 135
219	19A5011649	Nay	Nguyệt	05/03/2001	Luật K43	DT- 135
220	19A5011701	Y Khúk	Niê	19/06/2000	Luật K43	DT- 135
221	19A5011768	Hà Văn	Quyết	20/05/2001	Luật K43	DT- 135
222	19A5011786	Lưu Tuấn Anh	Rchăm	16/07/2001	Luật K43	DT- 135
223	19A5011B75	Đinh Thị	Xuyên	12/08/2001	Luật K43	DT- 135
224	19A5011021	Siu H'	Djuin	09/06/2000	Luật K43	DT- 135
225	19A5011028	H Wên	Êban	09/05/2001	Luật K43	DT- 135
226	19A5011059	Hồ Minh	Huy	20/03/2001	Luật K43	DT- 135
227	19A5011213	Y	Áo	21/04/2001	Luật K43	DT- 135
228	19A5011224	Rcom H'	Bươi	09/01/2001	Luật K43	DT- 135
229	19A5011232	La Thị Thúy	Châu	18/04/2001	Luật K43	DT- 135
230	19A5011241	Hồ Tuấn	Chính	31/03/2001	Luật K43	DT- 135
231	19A5011327	H Iên	Êban	19/06/2001	Luật K43	DT- 135
232	19A5011333	Siu H'	Ha	11/03/2001	Luật K43	DT- 135
233	19A5011412	Ksor H'	Hoài	04/07/2001	Luật K43	DT- 135
234	19A5011459	Nguyễn Thị Y	Huyền	17/08/2001	Luật K43	DT- 135

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Khóa, ngành	Đối tượng miễn, giảm
235	19A5011487	Nguyễn Cao Nhất	Lâm	10/03/1999	Luật K43	DT- 135
236	19A5011499	Ksor H'	Lê	11/08/2001	Luật K43	DT- 135
237	19A5011503	Hồ Thị	Lịch	06/03/2000	Luật K43	DT- 135
238	19A5011555	Hồ Văn	Lược	03/02/2001	Luật K43	DT- 135
239	19A5011591	Viên Ngọc Hai	Mười	09/03/2000	Luật K43	DT- 135
240	19A5011663	A Viết Thị Phương	Nhi	26/09/2001	Luật K43	DT- 135
241	19A5011665	Ka Yên	Nhi	18/02/2001	Luật K43	DT- 135
242	19A5011666	Kpă	Nhi	29/03/2001	Luật K43	DT- 135
243	19A5011681	Đinh Thị	Nhiên	17/04/2001	Luật K43	DT- 135
244	19A5011699	H' Nhim	Niê	08/10/2001	Luật K43	DT- 135
245	19A5011715	Đinh Thị Hoành	Phi	11/01/2001	Luật K43	DT- 135
246	19A5011739	Ksor Hờ	Phương	10/10/2001	Luật K43	DT- 135
247	19A5011772	Hồ Thị Diễm	Quỳnh	07/12/2001	Luật K43	DT- 135
248	19A5011822	Rơ Lan	Tek	12/09/1998	Luật K43	DT- 135
249	19A5011851	Nay H'	Thao	12/06/2001	Luật K43	DT- 135
250	19A5011853	Colâu Thị	Thảo	01/10/2001	Luật K43	DT- 135
251	19A5011901	Liều Mạnh	Thực	18/10/2001	Luật K43	DT- 135
252	19A5011904	Hồ Thị Thắm	Thương	16/02/2001	Luật K43	DT- 135
253	19A5011986	Hồ Thị	Trình	04/05/2000	Luật K43	DT- 135
254	19A5011938	Phạm Văn	Toán	12/08/2001	Luật K43	DT- 135
255	19A5011B02	Đinh Minh	Tuấn	01/08/2000	Luật K43	DT- 135
256	19A5011B03	Đinh Công	Xếp	25/06/2000	Luật K43	DT- 135
257	19A5011B89	A	Yonh	07/10/2001	Luật K43	DT- 135
258	19A5011700	Phạm Thị Hằng	Niê	04/03/2001	Luật K43	DT- 135

(Có 258 sinh viên được giảm 70% học phí)

III. GIẢM 50% HỌC PHÍ

1	16A5021019	Nguyễn Thị Linh	Chi	01/01/1998	LKT K40	Con CBTNLĐ
2	16A5011557	Nguyễn Tấn	Sang	10/11/1996	Luật K40	Con CBTNLĐ
3	16A5011542	Phạm Hoài	Bảo	08/01/1997	Luật K40	Con CBTNLĐ
4	16A5011229	Mai Thị Lê	Na	10/11/1998	Luật K40	Con CBTNLĐ
5	17A5011143	Hoàng Thị Trà	Giang	25/12/1999	Luật K41	Con CBTNLĐ
6	18A5011011	Ma Thị Hồng	Anh	01/05/2000	Luật K42	Con CBTNLĐ
7	18A5011594	Đặng Thị Minh	Phương	02/03/2000	Luật K42	Con CBTNLĐ
8	19A5011454	Phan Đăng	Huy	23/03/2001	Luật K43	Con CBTNLĐ

(Có 08 sinh viên được giảm 50% học phí)